NỢ CÔNG VÀ TÍNH BỀN VỮNG TRONG PHÁT TRIỂN XÃ HỘI - BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG: BÀI HỌC QUỐC TẾ CHO VIỆT NAM

TS. Nguyễn Minh Phúc*

Nợ công, một công cụ tài khóa thiết yếu nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, nhưng thường bỏ qua các tác động sâu sắc đến các vấn đề xã hội và môi trường. Phân tích bằng chứng quốc tế về sự đánh đổi giữa nghĩa vụ trả nợ và chi tiêu cho y tế, giáo dục và hành động vì môi trường, bài viết này rút ra những bài học kinh nghiệm quan trọng cho Việt Nam. Qua đó, bài viết đề xuất các kiến nghị cho một khuôn khổ chính sách tích hợp nhằm chuyển đổi việc quản lý nợ công thành một công cụ chủ động để đạt được sự phát triển bền vững, công bằng và toàn diện.

• Từ khóa: *nợ công, bền vững xã hội, bảo vệ môi trường, bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.*

Public debt, a crucial fiscal tool for macroeconomic stability, often overlooks its profound social and environmental impacts. Analyzing international evidence on the trade-offs between debt repayment obligations and spending on healthcare, education, and environmental action, this paper draws important lessons for Vietnam. Based on this, it proposes recommendations for an integrated policy framework to transform public debt management into a proactive tool for achieving sustainable, equitable, and inclusive development.

• Key words: *public debt, social sustainability, environmental protection, lessons for Vietnam.*

Ngày nhận bài: 17/01/2026
Ngày gửi phản biện: 28/02/2026
Ngày duyệt đăng: 31/3/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i310.52

1. Tác động đa chiều của nợ công đến các trụ cột bền vững

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy biến động, nợ công đã trở thành một công cụ không thể thiếu để các quốc gia tài trợ cho các nhu cầu phát triển. Về mặt lý thuyết kinh tế vĩ mô, trường phái Keynes cho rằng nợ công là đòn bẩy tài khóa tích cực nếu được duy trì ở mức độ hợp lý, giúp gia tăng nguồn lực cho Chính phủ đầu tư và kích thích tổng cầu (Nguyễn Thanh Bình, 2020). Tuy nhiên, khi nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả gốc và lãi) tăng lên, chúng trở thành một khoản chi bắt buộc, không thể tuỳ ý cắt giảm trong ngân sách quốc gia. Điều này buộc các chính phủ, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển vốn có không gian tài khóa hạn hẹp, phải thắt chặt chi tiêu ở các lĩnh vực khác được cho là "linh hoạt" hơn, trong đó có các dịch vụ xã hội và bảo vệ môi trường (Federspiel, 2024; Lupu et al., 2018; Recio et al., 2022).

1.1. Tác động của nợ công đến bền vững xã hội (Y tế, Giáo dục và Bất bình đẳng)

Một trong những tác động trực tiếp nhất là sự áp lực tài khóa dành cho chi tiêu xã hội. Khi nghĩa vụ trả nợ tăng lên, các chính phủ có thể buộc phải cắt giảm chi tiêu cho các lĩnh vực quan trọng như y tế, giáo dục và bảo trợ xã hội (Federspiel, 2024; Lupu et al., 2018; Recio et al., 2022).

Lĩnh vực y tế đặc biệt nhạy cảm với các biện pháp thắt lưng buộc bụng liên quan đến nợ. Kinh nghiệm từ cuộc khủng hoảng nợ ở Liên minh châu Âu (EU) là một minh chứng rõ nét. Nhiều quốc gia đã buộc phải cắt giảm đáng kể chi tiêu y tế, bao gồm tăng các khoản đồng chi trả, giảm số giường bệnh và cắt giảm chi tiêu dược phẩm. Hậu quả là sự gia tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe không được đáp ứng, đặc biệt ở các nhóm thu nhập thấp và dễ bị tổn thương, làm gia tăng bất bình đẳng trong tiếp cận y tế (Recio et al., 2022). Tại Senegal, các nghĩa vụ nợ được ưu tiên đã hạn chế tiềm năng tăng trưởng thực tế của chi tiêu chính phủ cho y tế (Federspiel, 2024). Phân tích trên phạm vi toàn cầu cũng cho thấy gánh nặng nợ bên ngoài cao có liên quan đến tỷ lệ chi tiêu y tế của chính phủ thấp hơn và tỷ lệ thanh toán trực tiếp từ tiền túi của người dân cao hơn, cho thấy sự dịch chuyển gánh nặng tài chính từ nhà nước sang các cá nhân (Federspiel, 2024).

** Trường Đại học Tài chính - Marketing; email: phuctcnh@ufm.edu.vn*

Mặc dù ít được ghi nhận trực tiếp trong các tài liệu được cung cấp như lĩnh vực y tế, lĩnh vực giáo dục và phát triển vốn nhân lực cũng phải đối mặt với những rủi ro tương tự. Các ràng buộc tài khóa do nợ có thể hạn chế đầu tư vào chất lượng giáo dục, cơ sở hạ tầng trường học và đào tạo giáo viên. Mặc dù chi tiêu cho giáo dục và y tế có độ trễ có thể có tác động tích cực đến tăng trưởng GDP (Lupu et al., 2018), áp lực tài khóa ngắn hạn có thể dẫn đến việc cắt giảm các khoản đầu tư dài hạn này. Điều này có thể cản trở sự phát triển vốn nhân lực, một yếu tố quan trọng cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Ngược lại, việc vay nợ có mục tiêu để đầu tư vào giáo dục, như đã thấy trong trường hợp của Ấn Độ, có thể là một chiến lược hiệu quả để thúc đẩy phát triển bền vững.

Hơn nữa, các chính sách tài khóa được thực hiện để quản lý nợ có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nghèo đói và bất bình đẳng. Mặc dù tăng trưởng kinh tế thường được coi là một công cụ để giảm nghèo, hiệu quả của nó có thể bị hạn chế đáng kể ở các quốc gia có mức độ bất bình đẳng ban đầu cao (Widodo et al., 2024). Nếu các biện pháp điều chỉnh tài khóa như cắt giảm các chương trình an sinh xã hội nhắm vào người nghèo, chúng có thể làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng và cản trở nỗ lực giảm nghèo. Các cuộc khủng hoảng nợ và các biện pháp thắt lưng buộc bụng sau đó thường ảnh hưởng nặng nề nhất đến những người nghèo nhất và dễ bị tổn thương nhất trong xã hội (Recio et al., 2022).

Tóm lại, việc cắt giảm chi tiêu cho y tế, giáo dục và bảo trợ xã hội có thể làm gia tăng bất bình đẳng và ảnh hưởng nhiều đến các nhóm dân cư dễ bị tổn thương nhất. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết phải có một cách tiếp cận quản lý nợ cân bằng, một cách tiếp cận không chỉ tập trung vào sự lành mạnh tài khóa mà còn chủ động bảo vệ các khoản đầu tư xã hội thiết yếu vốn là phần không thể thiếu của phát triển bền vững.

1.2. Tác động của nợ công đến khía cạnh môi trường

Mối liên hệ giữa nợ quốc gia và tính bền vững môi trường là một lĩnh vực ngày càng được quan tâm, phản ánh nhận thức ngày càng tăng rằng các quyết định tài khóa có thể tạo điều kiện thuận lợi hoặc cản trở tiến trình hướng tới các mục tiêu môi trường. Tương tự như tác động của nó đối với chi tiêu xã hội, gánh nặng nợ công cao có thể hạn chế đáng kể nguồn đầu tư sẵn có cho các sáng kiến môi trường quan trọng.

Khi các chính phủ phải đối mặt với nghĩa vụ trả nợ đáng kể, các khoản đầu tư vào bảo vệ môi trường, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, và phát triển cơ sở hạ tầng xanh có thể bị gạt sang một bên hoặc cắt giảm. Logic tương tự như việc chèn ép chi tiêu xã hội cũng được áp dụng ở đây: các nguồn lực hạn chế được chuyển hướng sang trả nợ, khiến ít nguồn lực hơn cho các ưu tiên môi trường dài hạn. Điều này đặc biệt đáng lo ngại trong bối cảnh nhu cầu tài chính khổng lồ cần thiết để giải quyết các thách thức môi trường toàn cầu như biến đổi khí hậu, ước tính cần hàng nghìn tỷ đô la đầu tư hàng năm (La Torre et al., 2024).

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là việc bỏ bê môi trường, có thể trở nên trầm trọng hơn do các ràng buộc tài khóa liên quan đến nợ, có thể tạo ra những vòng luẩn quẩn tiêu cực. Suy thoái môi trường, chẳng hạn như ô nhiễm không khí và nước, không chỉ gây hại trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng và làm giảm tuổi thọ mà còn có thể cản trở tăng trưởng kinh tế (Dugan et al., 2024). Các nghiên cứu đã chỉ ra mối tương quan tích cực mạnh mẽ giữa chất lượng môi trường và tuổi thọ (Dugan et al., 2024). Trong những trường hợp cực đoan, các quốc gia có thể rơi vào «bẫy nghèo đói môi trường» - một trạng thái đặc trưng bởi sản lượng thấp, tuổi thọ thấp và ô nhiễm cao (Dugan et al., 2024). Do đó, đầu tư vào bảo vệ môi trường không chỉ là một mục tiêu bền vững riêng biệt mà còn là một yếu tố cần thiết cho sức khỏe cộng đồng và sự thịnh vượng kinh tế lâu dài. Các chính sách môi trường hiệu quả có thể giúp các nền kinh tế thoát khỏi những cái bẫy như vậy và giảm biến động kinh tế cũng như bất bình đẳng (Dugan et al., 2024).

Tóm lại, mối quan hệ giữa nợ quốc gia và môi trường rất phức tạp. Gánh nặng nợ cao có thể hạn chế chi tiêu công cần thiết cho các hành động vì môi trường. Việc không giải quyết các thách thức môi trường do áp lực tài khóa có thể dẫn đến các chi phí xã hội và kinh tế đáng kể trong dài hạn, nhấn mạnh sự cần thiết phải có một cách tiếp cận tích hợp để quản lý nợ và bền vững môi trường.

2. Bài học kinh nghiệm quốc tế trong cân bằng tài khóa với mục tiêu xã hội và môi trường

Việc điều hòa nhu cầu về sự thận trọng tài khóa và quản lý nợ bền vững với các mục tiêu xã hội và môi trường cấp bách là một thách thức chính sách quan trọng đối với các quốc gia trên toàn thế giới. Từ các minh chứng thực tiễn, có thể đúc kết thành 03 bài học kinh nghiệm cụ thể, có minh chứng bằng dữ liệu, mang giá trị tham khảo lớn cho các quốc gia đang phát triển.

Bài học 1: Tổ chức bộ máy quản lý nợ công chuyên nghiệp, thống nhất và độc lập (Mô hình cơ quan quản lý nợ công - DMO)

Nguyên nhân cốt lõi khiến nhiều quốc gia thất bại trong việc kiểm soát rủi ro nợ công là do bộ máy quản lý bị phân tán, thiếu sự đồng bộ với quản lý ngân quỹ Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các quốc gia quản trị rủi ro nợ xuất sắc đều thiết lập một cơ quan quản lý nợ công (Debt Management Office - DMO) chuyên trách nhằm đảm bảo thực hiện nhất quán, kiểm soát toàn diện rủi ro và giám sát toàn bộ danh mục nợ. Việc tách biệt rõ ràng chức năng huy động vốn vay ra khỏi chức năng chi tiêu ngân sách hàng ngày giúp nâng cao tính minh bạch và tránh xung đột lợi ích (TQ, 2022).

Trên thế giới hiện có hai nhóm mô hình DMO phổ biến mang lại hiệu quả cao (Nguyễn Anh Dũng, 2023).

• *Mô hình DMO hoàn toàn độc lập:* Được nhiều quốc gia phát triển thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) áp dụng, tiêu biểu như Áo, Phần Lan, Ai-len, Bồ Đào Nha, Thụy Điển, Đức, Hungary và Anh. Cơ quan này hoạt động độc lập, có quyền tự chủ cao trong việc ra quyết định phát hành nợ dựa trên chiến lược dài hạn.

• *Mô hình DMO trực thuộc Bộ Tài chính:* Được áp dụng tại Mỹ, Pháp, Úc, Canada, Hà Lan, New Zealand, Ba Lan, và đặc biệt thành công tại các quốc gia ASEAN có bối cảnh tương đồng với Việt Nam như Thái Lan, Indonesia, Philippines. Tại Thái Lan, DMO thuộc Bộ Tài chính phối hợp chặt chẽ với cơ quan hợp tác quốc tế Thái Lan để tối ưu hóa đàm phán, đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả sử dụng nguồn vốn (Nguyễn Anh Dũng, 2023).

Bài học 2: Thiết lập cơ chế "khoanh vùng" bảo vệ ngân sách y tế, giáo dục

Kinh nghiệm đau xót từ các cuộc khủng hoảng nợ chỉ ra rằng không được phép dùng ngân sách y tế và giáo dục làm "vật tế thần" cho các đợt cắt giảm chi tiêu (Recio et al., 2022). Một nghiên cứu thực nghiệm quy mô trên nhóm các nước đang phát triển thuộc khối SAARC (gồm Bangladesh, Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka) giai đoạn 1990-2016 đã cung cấp bằng chứng định lượng: sự gia tăng nghĩa vụ trả nợ nước ngoài có tác động chèn lấn trực tiếp, buộc chính phủ các nước này cắt giảm ngân sách y tế và giáo dục vì đây bị xem là khu vực dễ cắt giảm nhất so với các chi phí cứng khác (Hasan et al., 2021).

Để chống lại hiện tượng này, bài học quan trọng là các quốc gia cần luật hóa mức sàn chi tiêu xã hội - một tỷ lệ ngân sách tối thiểu được «khoanh vùng» bất khả xâm phạm. Tuy nhiên, việc phụ thuộc vào cam kết với các tổ chức quốc tế là không đủ. Phân tích của IMF đối với 17 chương trình vay trong giai đoạn 2020-2021 tại các nước thu nhập thấp và trung bình cho thấy: các sàn chi tiêu xã hội thường không nhất quán và không tính đến lạm phát (Oxfam, 2023). Tại Cameroon, Jordan và Madagascar, các mục tiêu chi tiêu xã hội thực tế đã giảm từ 3-5% trong suốt thời gian vay. Chỉ có 65% số điều kiện về sàn chi tiêu được thực thi, trong khi Cộng hòa Dân chủ Congo và Madagascar không đạt được mục tiêu nào (Oxfam, 2023).

Ở chiều ngược lại, các nền kinh tế tăng trưởng nhanh ở châu Á như Ấn Độ và Singapore đã chứng minh rằng việc kiên định đầu tư công vào giáo dục, phát triển kỹ năng và công nghệ - kiên quyết không dùng nợ để chi tiêu thường xuyên - là động lực cốt lõi để nâng cao năng suất, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi kinh tế bền vững (Government of India, 2024).

Bài học 3: Tận dụng các cơ chế tài chính sáng tạo - Hoán đổi nợ xanh và Trái phiếu ESG

Khi không gian tài khóa truyền thống cạn kiệt, việc chủ động tìm kiếm các công cụ tài chính huy động vốn mang tính sáng tạo là mệnh lệnh thiết yếu.

Thứ nhất, đối với cơ chế "Hoán đổi nợ lấy tự nhiên" (Debt-for-nature swaps). Các thỏa thuận này liên quan đến việc một chủ nợ đồng ý xóa một phần nợ của một quốc gia đổi lại việc quốc gia đó cam kết đầu tư các nguồn lực được giải phóng

vào các chương trình bảo tồn môi trường hoặc y tế công cộng đã được thống nhất (Federspiel, 2024). Các ví dụ điển hình mang tính lịch sử bao gồm: Seychelles hoán đổi 21,6 triệu USD nợ từ các quốc gia thuộc Câu lạc bộ Paris năm 2015 để bảo vệ 30% diện tích đại dương; Belize tái cơ cấu thành công 553 triệu USD nợ thương mại năm 2021; và gần đây nhất là các thương vụ của Gabon (500 triệu USD) và Ecuador (1,6 tỷ USD) vào năm 2023 (Booth & Brooks, 2023). Cơ chế này giúp quốc gia xóa hoặc giảm lãi các khoản nợ đắt đỏ bằng ngoại tệ, đổi lại chính phủ cam kết dùng chính dòng tiền tiết kiệm được (bằng nội tệ) để tài trợ trực tiếp cho các quỹ bảo tồn thiên nhiên trong nước (Nguyễn Hoàng Nam, 2023).

Thứ hai, đối với thị trường trái phiếu bền vững (ESG Bonds). Việc kiến tạo thị trường vốn xanh cần sự can thiệp quy tắc mạnh mẽ từ nhà nước để định hướng dòng vốn và ngăn chặn nạn "tẩy xanh" (greenwashing). Kinh nghiệm từ Trung Quốc cho thấy, việc ngân hàng trung ương chủ động ban hành chỉ thị về trái phiếu tài chính xanh năm 2015, quy định rõ ràng danh mục các ngành được tài trợ, thủ tục phát hành và cơ chế quản lý minh bạch nguồn thu, đã tạo nền tảng vững chắc, đưa nước này trở thành một trong những thị trường trái phiếu xanh lớn nhất toàn cầu. Tương tự tại Mỹ Latinh, Chile đã áp dụng thành công Khung trái phiếu bền vững minh bạch, giúp quốc gia này phát hành các lô trái phiếu ESG với chi phí huy động vốn (lãi suất) thấp kỷ lục do nhu cầu đăng ký mua vượt cung gấp nhiều lần từ giới đầu tư quốc tế (Nguyễn Thị Thu Hoài & Châu Thị Tâm, 2022).

Tóm lại, những kinh nghiệm quốc tế nêu trên cho thấy quản lý nợ công hiện đại đã vượt ra khỏi khuôn khổ kiểm soát thâm hụt tài khóa đơn thuần. Để giải quyết trọn vẹn "bài toán kép" về an ninh tài chính và phát triển bền vững, các quốc gia đang phát triển không thể áp dụng các biện pháp thắt lưng buộc bụng một cách cơ học. Thay vào đó, cần một cách tiếp cận đồng bộ mang tính cấu trúc: kết hợp giữa tính chuyên nghiệp trong bộ máy quản trị rủi ro (Bài học 1), sự kiên định trong việc bảo vệ nền tảng vốn nhân lực (Bài học 2) và sự linh hoạt, sáng tạo trong việc khơi thông các nguồn vốn tài chính xanh (Bài học 3). Sự cộng hưởng của ba trụ cột này sẽ tạo ra một tấm khiên vững chắc, giúp nền kinh tế vừa chống chịu tốt trước các cú sốc vĩ mô, vừa đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình phát triển và chuyển đổi sinh thái.

3. Thực trạng và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

3.1 Thực trạng nợ công và thách thức bền vững tại Việt Nam

Việt Nam đang ở một thời điểm quan trọng. Với tỷ lệ nợ công trên GDP tương đối ổn định, được IMF dự báo ở mức 33,6% cho năm 2025 (IMF, 2025), và được Ngân hàng thế giới đánh giá là có không gian tài khóa dồi dào (World Bank, 2025), quốc gia có một cơ hội chiến lược để đi tiên phong trong việc áp dụng một cách tiếp cận quản lý nợ tích hợp và bền vững. Tuy nhiên, cơ hội này tồn tại song song với những thách thức bền vững ngày càng gia tăng. Về mặt xã hội, Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới và dự kiến sẽ chuyển sang giai đoạn dân số "già" vào năm 2036, tạo ra áp lực lớn lên hệ thống an sinh xã hội và y tế trong tương lai. Về mặt môi trường, Việt Nam cực kỳ dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu, được Germanwatch xếp hạng thứ 13 trên toàn cầu về rủi ro khí hậu trong giai đoạn 2000-2019 (World Bank, 2024). Sự giao thoa giữa dư địa tài khóa hiện có và những áp lực bền vững cấp bách trong dài hạn tạo ra một cửa sổ cơ hội hẹp nhưng quan trọng để Việt Nam chuyển đổi chiến lược quản lý nợ của mình. Để hiện thực hóa cơ hội này, cần có một lộ trình chính sách rõ ràng và quyết liệt.

3.2. Khuyến nghị chính sách

Dựa trên sự đối chiếu 03 bài học quốc tế vào bối cảnh thực tiễn và định hướng của Chiến lược nợ công đến năm 2030 (ban hành kèm Quyết định số 460/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), bài viết đề xuất các giải pháp trọng tâm sau.

Thứ nhất, khẩn trương nghiên cứu thể chế hóa cơ quan quản lý nợ công (DMO) chuyên trách và lồng ghép tiêu chí ESG.

Để đạt mục tiêu duy trì nợ công không quá 60% GDP và nợ Chính phủ không quá 50% GDP vào năm 2030, Chính phủ cần lộ trình sắp xếp lại bộ máy quản lý phân tán hiện nay theo hướng hợp nhất các chức năng vay nợ, phân bổ và giám sát rủi ro về một đầu mối duy nhất theo mô hình DMO. Đặc biệt, DMO cần chủ động lồng ghép các tiêu chí Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG)

vào chiến lược vay nợ quốc gia nhằm khai thác hiệu quả các nguồn vốn bền vững trong bối cảnh nguồn vốn ODA truyền thống đang giảm dần và điều kiện vay ngày càng tiệm cận thị trường. Hệ thống DMO này cũng đóng vai trò quyết định trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm soát rủi ro "nợ tiềm tàng" từ các doanh nghiệp nhà nước (Nguyễn Thanh Bình, 2020).

Thứ hai, thiết lập cơ chế bảo vệ ngân sách xã hội và định hướng dòng vốn vay ưu đãi.

Tiếp thu bài học số 2, cần đưa vào Luật ngân sách nhà nước (sửa đổi) các quy định về "sàn chi tiêu" tối thiểu cho y tế và giáo dục. Đồng thời, kỷ luật đầu tư công cần được siết chặt: kiên quyết không dùng vốn vay thương mại đắt đỏ để chi thường xuyên. Thay vào đó, định hướng huy động vốn vay ưu đãi và vay nước ngoài mới cần ưu tiên tập trung cho các dự án trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng gắn với phát triển bền vững, có hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ như thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng môi trường, giáo dục, y tế và công nghệ. Đối với các dịch vụ công khác, cần đẩy mạnh xã hội hóa để san sẻ gánh nặng với ngân sách nhà nước (Nguyễn Thanh Cai, 2021).

Thứ ba, tăng tốc triển khai Đề án thí điểm Trái phiếu Chính phủ xanh và đàm phán Hoán đổi nợ.

Vận dụng bài học số 3, để huy động vốn ứng phó với biến đổi khí hậu mà không làm tăng áp lực nợ truyền thống, Việt Nam cần sớm hoàn thiện hành lang pháp lý chuyên biệt. Bộ Tài chính cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan để hoàn thiện Đề án thí điểm phát hành trái phiếu chính phủ xanh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm đưa vào triển khai ngay từ năm 2026 (Báo Chính phủ, 2026). Việc này cần gắn liền với việc ban hành các quy định minh bạch về phân loại dự án nhằm thu hút sự tham gia của các quỹ đầu tư, ngân hàng thương mại, đồng thời ngăn ngừa rủi ro "tẩy xanh" (Hoàng Thu Thủy và cộng sự, 2025). Cùng với đó, các bộ ngành cần chủ động đàm phán các giao dịch thí điểm "Hoán đổi nợ xanh» với các chủ nợ song phương nhằm vừa tái cơ cấu giảm nợ ngoại tệ, vừa tạo lập nguồn lực nội tệ tài trợ trực tiếp cho các dự án chuyển đổi năng lượng và bảo tồn thiên nhiên (Nguyễn Hoàng Nam, 2023).

Kết luận

Mối liên hệ giữa quản lý nợ quốc gia, công bằng xã hội và sức khỏe môi trường là không thể tách rời. Bằng chứng thực nghiệm từ nhiều quốc gia đã chứng minh rằng gánh nặng nợ cao nếu quản lý kém sẽ làm xói mòn nghiêm trọng nền tảng vốn nhân lực và đẩy nhanh suy thoái sinh thái (Dugan et al., 2024; Federspiel, 2024; Recio et al., 2022). Việt Nam, với vùng đệm an toàn tài khóa hiện tại, có một cơ hội lịch sử để tái định hình chiến lược nợ công. Bằng cách chủ động chuyên nghiệp hóa bộ máy quản lý (mô hình DMO), lồng ghép các cơ chế bảo vệ ngân sách y tế - giáo dục, và tiên phong sử dụng các công cụ tài chính xanh (hoán đổi nợ, trái phiếu ESG), Việt Nam hoàn toàn có thể sử dụng nợ công như một đòn bẩy kiến tạo tương lai phát triển bền vững, công bằng và thịnh vượng cho các thế hệ mai sau.

Tài liệu tham khảo:

Báo Chính phủ. (2026). Thị trường trái phiếu 2025: Ổn định, tăng trưởng và hướng tới xanh hóa nguồn vốn.

Hoàng Thu Thủy, Nguyễn Mạnh Đức, Phan Nguyễn Lam Sương, & Võ Thị Thùy Linh. (2025). Báo cáo kết quả NCKH cấp Cục: Việc áp dụng ESG đối với quản lý nợ Chính phủ và hàm ý chính sách cho Việt Nam. Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Bộ Tài chính.

Nguyễn Anh Dũng. (2023). Nâng cao năng lực quản trị tại địa phương và hiệu quả của cơ chế phối hợp liên ngành (PDMO - TICA tại Thái Lan).

Nguyễn Hoàng Nam. (2023). Sự giao thoa giữa kinh tế và môi trường (Bài 1): Hoán đổi nợ xanh trong thời đại mới. Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp.

Nguyễn Thanh Bình. (2020). Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả quản lý nợ công ở Việt Nam. Tạp chí Công Thương.

Nguyễn Thanh Cai. (2021). Giải pháp quản lý an toàn và bền vững nợ công của Việt Nam. Tạp chí Khoa học Đại học Bình Dương.

Nguyễn Thanh Cai. (2021). Mối quan hệ giữa đầu tư công và nợ công ở Việt Nam. Tạp chí Tài chính Tiền tệ.

Nguyễn Thị Thu Hoài, & Châu Thị Tâm. (2022). Kinh nghiệm phát hành trái phiếu xanh tại một số quốc gia trên thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam. Tạp chí Môi trường, (11). https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/kinh-nghiem-phat-hanh-trai-phieu-xanh-tai-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-va-khuyen-nghi-cho-viet-nam-27271

Phạm Thị Phương Uyên. (2020). Nợ công tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Công Thương.

TQ. (2022). Kinh nghiệm quốc tế trong cải cách công tác quản lý nợ công. Báo Thanh tra. https://thanhtra.com.vn/tai-chinh-701717FFD/kinh-nghiem-quoc-te-trong-cai-cach-cong-tac-quan-ly-no-cong-1234E26C.html

Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 460/QĐ-TTg ngày 14/4/2022 phê duyệt Chiến lược nợ công đến năm 2030.

Booth, M., & Brooks, C. M. (2023). Financing marine conservation from restructured debt: a case study of the Seychelles. Frontiers in Marine Science, 10, 899256.

Dugan, A., Prskawetz, A., & Raffin, N. (2024). The environment, life expectancy, and growth in overlapping generations models: A survey. Journal of Economic Surveys, 38(5), 1593-1621.

Federspiel, F. (2024). External Development Partner and International Monetary Fund Influence on Domestic Health Financing Sources in Low-and Middle-Income Countries. London School of Hygiene & Tropical Medicine.

Government of India. (2024). Economic Survey 2023-24. Ministry of Finance.

Hasan, R., et al. (2021). The impact of external debt servicing on health and education spending. Journal of Economic and Social Studies.

International Monetary Fund. (2025). World Economic Outlook Database. https://www.imf.org/external/datamapper/GGXWDG_NGDP@WEO/OEMDC/ADVEC/WEOWORLD

La Torre, M., Leo, S., Palma, A., & Zapata, J. D. S. (2024). Public spending and green finance: A systematic literature review. Research in International Business and Finance, 68, 102197.

Lupu, D., Petrisor, M. B., Bercu, A., & Tofan, M. (2018). The impact of public expenditures on economic growth: A case study of Central and Eastern European countries. Emerging Markets Finance and Trade, 54(3), 552-570.

Oxfam. (2023). IMF Social Spending Floors: A Fig Leaf for Austerity?. Oxfam International.

Recio, R. S., De Ágreda, J. P. A. P., Rabanaque, M. J., & Palacio, I. A. (2022). Understanding the effect of economic recession on healthcare services: a systematic review. Iranian Journal of Public Health, 51(3), 495.